



PHÁT TRIỂN THỦ CÔNG MỸ NGHỆ TRONG CÁC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Phan Văn Hoà^{1,*}, Nhiêu Khánh Phước Hải¹, Nguyễn Công Định¹,
Nguyễn Lê Hiệp¹, Lê Ngọc Quỳnh Anh¹, Trần Nữ Sơn Thi²

¹ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 99 Hồ Đắc Di, Huế, Việt Nam

² Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế, 6 Ngô Quyền, Vinh Ninh, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Phan Văn Hòa <pvanhoakt@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 7-12-2021; Ngày chấp nhận đăng: 22-12-2021)

Tóm tắt. Thủ công mỹ nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế là nghề thủ công truyền thống có từ lâu đời với nhiều kiệt tác di sản vô giá. Tuy nhiên, năm 2020, do tác động của đại dịch COVID-19, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm các nghề này gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Những khó khăn chính như thị trường thu hẹp, số lượng đơn hàng, hợp đồng giảm; nguyên liệu ngày càng khan hiếm, giá cao; công nghệ lạc hậu; quy mô sản xuất nhỏ lẻ, sản phẩm đơn điệu, nghèo nàn; tình hình quảng bá, quảng cáo và chuyển đổi số kém, dẫn đến khả năng cạnh tranh thấp. Để phát triển thủ công mỹ nghệ của tỉnh, chính quyền địa phương cần thực hiện những giải pháp, chính sách thiết thực như áp dụng công nghệ số; hỗ trợ vốn, tín dụng ưu đãi; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, liên doanh, liên kết tạo thành chuỗi cung ứng sản phẩm từ nghiên cứu thị trường, thiết kế đến cung cấp nguyên liệu, sản xuất, phân phối và tiêu thụ... góp phần bảo tồn và phát huy nghề thủ công mỹ nghệ Thừa Thiên Huế, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng và thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

Từ khóa: thủ công mỹ nghệ, thủ công truyền thống, phát triển thủ công mỹ nghệ, Thừa Thiên Huế

Developing handicrafts in the traditional craft villages of Thua Thien Hue province

Phan Van Hoa^{1,*}, Nieu Khanh Phuoc Hai¹, Nguyen Cong Dinh¹,
Nguyen Le Hiep¹, Le Ngoc Quynh Anh¹, Tran Nu Son Thi²

¹ University of Economics, Hue University, 99 Ho Dac Di St., Hue, Vietnam

² University of Medicine and Pharmacy, Hue University, 6 Ngo Quyen, Vinh Ninh, Hue, Vietnam

* Correspondence to Phan Van Hoa <pvanhoakt@hueuni.edu.vn>

(Received: December 7, 2021; Accepted: December 22, 2021)

Abstract. The handicrafts in Thua Thien Hue province have a long development history with many priceless heritage masterpieces. However, the production and consumption of these traditional products have faced many challenges since 2020 due to the COVID-19 pandemic impacts. Principal hardships and constraints such as the market's shrinking, the decrease in orders and contracts, the scarcity and high price of raw materials, outdated technology, small-scale production, monotonous and undiversified products, inadequate advertising, and slow digital conversion have resulted in low competitiveness. For the sustainable development of households producing handicraft products, local authorities may need to implement practical solutions and policies such as applying digital technology, supporting capital for producers through preferential credit programs. Furthermore, it is necessary to encourage enterprises to invest and associate to establish complete supply chains from market research, design, input material supply, production, distribution, and consumption. These solutions are decisive for preserving and promoting traditional handicraft products in Thua Thien Hue Province, thereby better meeting consumers' needs and attracting domestic and foreign tourists.

Keywords: handicrafts, traditional crafts, handicraft development, Thua Thien Hue

1 Đặt vấn đề

Nghề thủ công truyền thống sản xuất hàng hoá thủ công mỹ nghệ ở nước ta có từ lâu đời, được phân bố rộng khắp trên toàn quốc, chủ yếu tập trung tại những vùng nông thôn. Tính đến năm 2020, cả nước có 1.062 làng nghề và 889 làng nghề truyền thống với 165 nghề truyền thống đã được công nhận, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông thôn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc [1].

Năm 2020, các sản phẩm thủ công của Việt Nam đã có mặt tại 163 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam giai đoạn 2015–2019 tăng trung bình 9,5%/năm, từ 1,62 tỷ USD (2015) lên đến 2,23 tỷ USD (2019). Các làng nghề truyền thống đã và đang tạo ra hàng ngàn loại sản phẩm hàng hoá, thủ công mỹ nghệ. Từ những sản phẩm thêu dệt, đến mây tre đan, lá, cói; từ sơn mài, đồ gỗ đến gốm, sứ, sừng, vò; từ kim khí sắt, đồng đến chế tác vàng bạc, đá quý... [2].

Trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay có 86 làng nghề, 57 nghề truyền thống phân bố trên 123 địa điểm theo địa bàn cấp huyện. Năm 2017, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã thành lập “Câu lạc bộ nghề nhân tỉnh Thừa Thiên Huế”, với 37 nghề nhân, trong đó có 2 Nghề nhân Nhân dân, 4 Nghề nhân Ưu tú, là cầu nối gắn kết, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm giữa các nghề nhân trên địa bàn tỉnh góp phần vào việc bảo tồn và phát huy các ngành nghề truyền thống của địa phương với những sản phẩm nổi tiếng như đúc đồng ở phường Phường Đúc và Thủy Xuân

[3], tranh giấy làng Sình, hoa giấy Thanh Tiên, mây tre đan Bao La, nón lá Phú Cam, điêu khắc gỗ Mỹ Xuyên, gốm Phước Tích, dệt zèng thổ cẩm A Lưới, kim hoàn Kế Môn, ... [4].

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 đang diễn biến phức tạp từ năm 2020 đến nay đã ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế nói chung, nghề truyền thống sản xuất hàng hoá thủ công mỹ nghệ Thừa Thiên Huế nói riêng, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn, thị trường thu hẹp, nhiều cơ sở ngừng hoạt động [5, 6].

Chính vì vậy, việc nghiên cứu phát triển nghề thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong bối cảnh hiện nay có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Giải quyết những vấn đề đó nhằm phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, góp phần phát triển kinh tế địa phương, bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc, trước hết là nghề thủ công truyền thống đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng cho người dân và phát triển du lịch.

2 Cơ sở lý thuyết

Cho đến nay, sản phẩm thủ công truyền thống, thủ công mỹ nghệ được sản xuất và tiêu thụ rộng rãi trên khắp thế giới, tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có định nghĩa chính xác, thống nhất về sản phẩm thủ công mỹ nghệ [7]. Hiện có nhiều quan điểm khác nhau về sản phẩm thủ công mỹ nghệ:

Năm 1997, tại Hội thảo quốc tế về hàng thủ công và thị trường quốc tế tại Manila, Philippines dưới sự tài trợ của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) và Tổ chức Thương mại Thế giới (ITC), Dianna McLeod định nghĩa *“Các sản phẩm thủ công là những sản phẩm được sản xuất bởi các nghệ nhân, hoàn toàn bằng tay hoặc với sự trợ giúp của dụng cụ cầm tay hoặc phương tiện cơ học nhưng lao động thủ công trực tiếp của nghệ nhân là thành phần quan trọng nhất của sản phẩm. Chúng được sản xuất mà không hạn chế về số lượng và sử dụng nguyên liệu từ các nguồn tài nguyên bên vững. Bản chất đặc biệt của các sản phẩm thủ công xuất phát từ các tính năng đặc biệt của chúng, có thể mang tính thực dụng, thẩm mỹ, nghệ thuật, sáng tạo, gắn kết văn hóa, trang trí, chức năng, truyền thống, tôn giáo, biểu tượng xã hội và ý nghĩa”* [8].

Năm 2014, Fabeil và các cs. cho rằng: *Sản phẩm thủ công mỹ nghệ có thể được định nghĩa là những mặt hàng thường được làm bằng tay, có sức hấp dẫn về văn hóa và nghệ thuật dựa trên chất liệu, thiết kế và tay nghề của nghệ nhân* [9].

Từ những khái niệm trên cho thấy, sản phẩm thủ công mỹ nghệ là những sản phẩm chủ yếu được làm bằng tay, có sự sáng tạo cá nhân, có tính văn hóa, nghệ thuật và có giá trị thẩm mỹ cao.

Trên cơ sở quan điểm về phát triển, là một quá trình lớn lên, tăng tiến mọi lĩnh vực. Bất cứ trong lĩnh vực nào, sự phát triển đều thỏa mãn các thành tố như: sự tăng lên cả về chất và lượng; sự thay đổi về cơ cấu, thể chế, chủng loại, tổ chức; sự thay đổi về thị trường; và giữ công bằng xã hội, an ninh, trật tự [10], thì phát triển nghề thủ công truyền thống nói chung, thủ công mỹ nghệ nói riêng cũng không nằm ngoài quan điểm đó. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, nội dung phát triển sản phẩm nghề truyền thống gồm:

Thứ nhất, phát triển về mặt lượng: đó là sự gia tăng về mặt số lượng các cơ sở sản xuất, các loại hình thức tổ chức sản xuất; gia tăng về mặt lượng các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất như đất đai, lao động, tiền vốn, nhà xưởng, máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất, nguyên nhiên vật liệu đáp ứng cho quá trình sản xuất... ; gia tăng về mặt lượng các sản phẩm hàng hoá thủ công mỹ nghệ sản xuất ra, gia tăng về chủng loại, mẫu mã, kích cỡ, ... Bên cạnh gia tăng về mặt lượng theo thời gian, thì phát triển sản xuất còn gia tăng về mặt lượng theo không gian địa phương, vùng, địa lý, ...

Thứ hai, phát triển về mặt chất: đó là sự gia tăng về mặt chất lượng các yếu tố đầu vào sản xuất đến chất lượng sản phẩm đầu ra. Sự gia tăng về chất lượng các yếu tố đầu vào đáng kể nhất là sự gia tăng về áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ và máy móc thiết bị tiên tiến được sử dụng để sản xuất cũng như gia tăng về chất lượng nguyên liệu phục vụ sản xuất. Ngoài những yếu tố trên, trong sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ, yếu tố con người là những nghệ nhân, thợ lành nghề với sự gia tăng kinh nghiệm và óc sáng tạo trong thiết kế, sáng tác mẫu mã sản phẩm là rất quan trọng, góp phần cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm làm ra, đáp ứng nhu cầu về thẩm mỹ, giá trị sử dụng cung cấp cho khách hàng. Bên cạnh đó, gia tăng chất lượng sản xuất còn đồng nghĩa với việc gia tăng sự cải thiện và bảo vệ môi trường sản xuất, môi trường sinh thái cộng đồng và xã hội địa phương.

Thứ ba, cùng với sự gia tăng về mặt lượng và chất, quá trình phát triển sản xuất còn là quá trình chuyển dịch theo hướng tích cực về mặt cơ cấu các yếu tố sản xuất cũng như sản phẩm hàng hoá làm ra. Chuyển dịch theo hướng tích cực về cơ cấu các yếu tố đầu vào theo hướng tiết kiệm, tiến bộ, hợp lý và hiệu quả hơn. Tức là phát triển những mặt hàng mà địa phương có ưu thế như nguồn lao động, nguyên vật liệu, truyền thống văn hoá và bản sắc địa phương... Bên cạnh đó, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại thay thế dần công nghệ, máy móc thiết bị cũ kỹ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường là hết sức quan trọng; chuyển dịch sang các hình thức tổ chức quản lý sản xuất có quy mô lớn, uy tín, thương hiệu, hiệu quả, có tính cạnh tranh cao trên thị trường thế giới; sản phẩm sản xuất ra ngày càng phong phú và đa dạng, có tính thẩm mỹ cao, có giá trị lớn, ngày càng đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

Thứ tư, Bên cạnh sự gia tăng về lượng, về chất và chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực, phát triển sản xuất còn đòi hỏi sự vào cuộc của hệ thống chính sách, biện pháp của nhà nước và chính quyền địa phương trong việc hoạch định chiến lược phát triển nghề thủ công mỹ nghệ trên địa bàn như chiến lược hay kế hoạch, quy hoạch phát triển, các chính sách hỗ trợ về vốn – tín dụng, đào tạo nghề nhân – lao động lành nghề, chính sách xây dựng và phát triển thương hiệu, chính sách thị trường, ...

Đã có nhiều nghiên cứu và kinh nghiệm phát triển nghề truyền thống của nhiều tác giả, ở nhiều địa phương trong nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 đang bùng phát như hiện nay, để phát triển thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, các doanh nghiệp cần mạnh dạn đầu tư máy móc thiết bị, cải tiến mẫu mã và tăng cường giới thiệu quảng bá sản phẩm; mời các đối tác nước ngoài đến tham quan và giám sát sản xuất; xây dựng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm [11].

3 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung phân tích nguồn thông tin số liệu thứ cấp được thu thập từ các cơ quan ban ngành ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Nguồn dữ liệu sơ cấp thu thập thông qua điều tra khảo sát 107 cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh. Theo kết quả thống kê năm 2020, 6 nghề thủ công mỹ nghệ tại 6 làng nghề truyền thống có 287 cơ sở tham gia sản xuất. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế, đa số cơ sở sản xuất chủ yếu sản xuất sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cho người dân (như sản phẩm để thờ cúng dân gian: đồ đồng, hoa giấy, tranh giấy; sản phẩm dân dụng: mây tre đan, đồ gỗ). Số cơ sở chuyên sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ hoặc sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ với tỷ lệ lớn ít hơn số liệu thống kê. Qua khảo sát cho thấy, số cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ theo từng nghề cụ thể như sau: đúc đồng 55/55 cơ sở, hoa giấy 12/28 cơ sở, tranh giấy 10/26 cơ sở, mây tre đan 20/151 cơ sở, điêu khắc gỗ 10/25 cơ sở, gốm 2/2 cơ sở. Riêng hai cơ sở sản xuất gốm Phước Tích thực hiện phòng chống dịch COVID-19 nên không thu thập được số liệu. Như vậy, với 107 cơ sở có sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, tác giả tiến hành điều tra toàn bộ. Trong đó, thành phố Huế điều tra 55 cơ sở đúc đồng tại làng nghề truyền thống đúc đồng phường Phường Đúc và Thủy Xuân; huyện Phú Vang điều tra 12 hộ làm hoa giấy và 10 hộ làm tranh giấy tại làng nghề truyền thống hoa giấy Thanh Tiên và tranh dân gian làng Sinh; huyện Quảng Điền điều tra 20 hộ đan lát mây tre tại làng nghề truyền thống đan lát mây tre Bao La; tại huyện Phong Điền điều tra 10 hộ làm nghề tại làng nghề truyền thống điêu khắc gỗ Mỹ Xuyên.

Các phương pháp tổng hợp và phân tích được sử dụng trong nghiên cứu chủ yếu là phương pháp thống kê mô tả, phân tổ, so sánh, hạch toán kinh tế, ...

Để đánh giá được các nội dung phát triển nghề thủ công mỹ nghệ, các chỉ tiêu được sử dụng chủ yếu là các chỉ tiêu đánh giá sự gia tăng về mặt số lượng, chất lượng, chuyển dịch cơ cấu cả về số tuyệt đối và số tương đối, gồm các chỉ tiêu đo lường sự gia tăng số lượng, giá trị; tốc độ tăng trưởng, phát triển các cơ sở sản xuất, các yếu tố đầu vào và kết quả, hiệu quả đầu ra...

4 Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1 Tình hình phát triển nghề thủ công truyền thống, thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Theo thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế, hiện nay trên toàn tỉnh có 86 làng nghề, 57 nghề truyền thống hoạt động riêng lẻ được phân bố trên 123 địa điểm có nghề hoạt động theo địa bàn cấp huyện, với đông đảo đội ngũ thợ thủ công lành nghề, tài hoa (37 nghề nhân, trong đó có 2 Nghề nhân Nhân dân, 4 Nghề nhân Ưu tú). Chi tính từ năm 2013 đến nay, UBND tỉnh đã công nhận thêm 2 nghề truyền thống, 10 làng nghề và 20 làng nghề truyền thống; thành lập 04 hội nghề (gồm Hội nghề đúc Huế, Hội nghề bún Vân Cù, Hội nghề kẹo mè xừng Huế, Hội nghề mai cảnh Thế Chí Tây) với 16 nghề nhân cấp tỉnh, 01 nghề nhân Nhân dân được Chủ tịch nước phong tặng. Giá trị sản xuất tại các nghề, làng nghề chưa cao nhưng đã giải quyết lượng lớn lao động nông thôn, nhất là lao động thời vụ tại địa phương; ổn định trật tự xã hội, gắn kết cộng đồng, gìn giữ bản sắc văn hóa ở các làng nghề, đặc biệt các nghề, làng nghề truyền thống, đóng góp xây dựng kinh tế xã hội của địa phương, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Ước tính giá trị sản xuất của các cơ sở sản xuất kinh doanh năm 2020 tại 32 nghề, làng nghề và làng nghề truyền thống được công nhận khoảng 266 tỷ đồng (giảm 30% so với năm 2019) [4].

Có sự biến động đó được cho là do nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân lớn nhất là do năm 2020, thiên tai và đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn, trong đó có các nghề, làng nghề và làng nghề truyền thống. Kết quả thống kê các làng nghề truyền thống sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Tình hình biến động các cơ sở sản xuất và lao động một số nghề thủ công mỹ nghệ chủ yếu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016–2020

TT	Chỉ tiêu	2016		2018		2020		So sánh 2020/2016 (%)	
		Cơ sở	LĐ	Cơ sở	LĐ	Cơ sở	LĐ	Cơ sở	LĐ
1	Đúc đồng Phường Đúc, Thủy Xuân	61	209	56	235	55	196	90,2	93,8
2	Hoa giấy Thanh Tiên	34	71	31	69	28	56	82,4	78,9
3	Tranh làng Sinh	28	53	26	45	26	45	92,9	84,9
4	Mây tre đan Bao La	160	221	164	230	151	182	94,4	82,4
5	Điều khắc gỗ Mỹ Xuyên	25	84	25	80	25	80	100,0	95,2
6	Gốm Phước Tích	2	20	2	20	2	20	100,0	100,0
Tổng cộng		310	658	304	679	287	579	92,6	88,0

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thừa Thiên Huế

Về số lượng cơ sở sản xuất, Bảng 1 cho thấy, tổng số cơ sở sản xuất một số nghề thủ công mỹ nghệ chủ yếu năm 2020 chỉ bằng 92,6% năm 2016, tức giảm 7,4%. Trừ hai làng nghề truyền thống điều khắc gỗ Mỹ Xuyên và gốm Phước Tích huyện Phong Điền là không thay đổi, các làng nghề truyền thống ở các địa phương khác có sự suy giảm mạnh. Cụ thể, năm 2020 so năm 2016, số cơ sở sản xuất giảm mạnh nhất là hoa giấy Thanh Tiên, giảm 17,6% (tức chỉ bằng 82,4% năm 2016); giảm ít nhất là số hộ làm mây tre đan Bao La, giảm 5,6%. Về số lao động tham gia cũng có sự suy giảm tương ứng, tổng số lao động năm 2020 chỉ bằng 88% tổng số lao động các nghề chủ yếu năm 2016, tức giảm 12%. Cụ thể, số lao động giảm nhiều nhất là hoa giấy Thanh Tiên (giảm 21,1%), thấp nhất là lao động điều khắc gỗ Mỹ Xuyên, giảm 4,8%.

Tương tự với sự suy giảm về cơ sở sản xuất và số lao động, giá trị sản xuất một số ngành nghề chủ yếu có sự biến động mạnh giai đoạn 2016–2020 (Bảng 2). So với năm 2016, tổng giá trị sản xuất các nghề năm 2018 tăng khá tốt, tăng 54,5% và đạt hơn 134 tỷ đồng. Tuy nhiên, so năm 2018, tổng giá trị sản xuất năm 2020 đã giảm khá lớn, giảm 21,1%, chỉ đạt gần 106 tỷ đồng. Trong đó, các nghề giảm mạnh như điều khắc gỗ Mỹ Xuyên (giảm 27,2%), gốm Phước Tích (giảm 25%), đúc đồng (giảm 19,9%). Hai nghề có giá trị sản xuất năm 2020 tăng so năm 2018 là tranh giấy làng Sinh và hoa giấy Thanh Tiên, tương ứng tăng 8,4% và 6,6%. Đây là các nghề có sản phẩm thờ cúng dân gian, nên ít chịu ảnh hưởng hơn.

Bảng 2. Giá trị sản xuất một số nghề thủ công mỹ nghệ chủ yếu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016–2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2016	2018	2020	So sánh		So sánh	
					2018/2016		2020/2018	
					+/-	%	+/-	%
1	Đúc đồng Phường Đúc, Thủy Xuân	43.900	88.200	70.640	44.300	200,9	-17.560	80,1
2	Hoa giấy Thanh Tiên	1.120	1.224	1.305	104	109,3	81	106,6
3	Tranh làng Sinh	1.540	1.560	1.691	20	101,3	131	108,4
4	Mây tre đan Bao La	4.040	4.962	4.431	922	122,8	-531	89,3
5	Điêu khắc gỗ Mỹ Xuyên	35.610	37.520	27.320	1.910	105,4	-10.200	72,8
6	Gốm Phước Tích	700	800	600	100	114,3	-200	75,0
Tổng cộng		86.910	134.266	105.987	47.356	154,5	-28.279	78,9

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thừa Thiên Huế

Năm 2020 có sự suy giảm mạnh về số cơ sở, lao động và giá trị sản xuất nêu trên là do nhiều nguyên nhân gây ra, trước hết là tác động trực tiếp là đại dịch COVID-19, đã làm cho đa số các cơ sở sản xuất gặp nhiều khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, dẫn đến nhiều cơ sở ngừng sản xuất hoặc thu hẹp quy mô. Những khó khăn mà các cơ sở sản xuất gặp phải chủ yếu là:

Thứ nhất, khó khăn lớn nhất hiện nay mà bất kỳ cơ sở sản xuất nào cũng nhận thấy đó là thị trường tiêu thụ sản phẩm thu hẹp, kể cả thị trường trong nước và xuất khẩu. Số lượng đơn hàng, hợp đồng giảm hoặc cắt giảm sản lượng, dẫn đến sản lượng tiêu thụ giảm mạnh làm tăng thêm khó khăn cho các cơ sở trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (đúc đồng, mây tre đan, điêu khắc gỗ, ...).

Thứ hai, nguồn cung ứng nguyên liệu của một số nghề ngày càng hiếm, giá cả ngày càng cao (đồng vàng, đồng đỏ, gỗ quý,...). Ngoài những ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19 đến ngành logistics, vận chuyển khó khăn (nguyên liệu đồng), thì nguyên liệu là gỗ quý hiếm ngày càng cạn kiệt, Trong lúc đó, vốn của các cơ sở thì quá ít và lãi suất ngân hàng hiện quá cao so với lợi nhuận nên đa số các cơ sở sản xuất không đủ vốn để dự trữ nguyên liệu phục vụ sản xuất, đặc biệt là các nghề có vốn đầu tư cho nguyên liệu lớn, tồn kho nhiều (đúc đồng, điêu khắc gỗ, gốm, ...).

Thứ ba, quy mô sản xuất hiện nay của các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ trên địa bàn chủ yếu ở quy mô hộ, sản xuất nhỏ lẻ, manh mún; năng lực trình độ tổ chức sản xuất còn yếu, thiếu tính liên kết và hợp tác trong sản xuất. Thống kê 32 nghề, làng nghề được công nhận chỉ có 10 doanh nghiệp, công ty trong làng nghề; 7 hợp tác xã; 452 hộ cá thể có đăng ký kinh doanh (hơn 10,45%) và 3.853 hộ sản xuất kinh doanh không đăng ký kinh doanh (khoảng 89,07%) [4].

Thứ tư, chủng loại sản phẩm hiện nay còn khá đơn điệu, nghèo nàn, chủ yếu vẫn là các mẫu mã cũ chưa đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng. Việc bao gói sản phẩm nhằm tăng thêm giá trị thẩm mỹ và thuận tiện vận chuyển hầu như chưa có cơ sở nào quan tâm đến. Hàng tồn kho vẫn còn lớn, đặc biệt các loại sản phẩm có giá vốn hàng bán lớn như đồ đồng, gốm, điêu khắc gỗ, ... nên vốn ứ đọng trong hàng hoá lớn làm giảm đáng kể lượng vốn kinh doanh của các cơ sở.

Thứ năm, công nghệ và máy móc, thiết bị đang sử dụng hiện nay tại các cơ sở rất lạc hậu, ít có sự đầu tư cải tiến, nhiều công đoạn sản xuất hàng loạt, giải phóng sức lao động, tăng năng suất vẫn chưa được đầu tư, sản phẩm sau khi sản xuất ra vẫn phải gia công khá công phu, mất nhiều công sức vì thế giá thành cao, khó cạnh tranh trên thị trường, đặc biệt như đồ đồng, điêu khắc gỗ, gốm, tranh giấy,...

Thứ sáu, các sản phẩm truyền thống vốn là thế mạnh của các làng nghề ngày càng bị bão hòa, do vẫn duy trì sản xuất thủ công, không đổi mới công nghệ nên giá thành cao, độ tinh xảo thấp, mẫu mã kém đa dạng... Chưa có sự tham gia của các nhà thiết kế, sáng tạo trong quy trình thiết kế sản phẩm mới, mẫu mã mới để sản phẩm mới mang tính thẩm mỹ, hợp thời đại, nhưng vẫn đảm bảo tính truyền thống.

Thứ bảy, số nghệ nhân, thợ giỏi, thợ có tay nghề cao ngày càng hiếm; nhiều ngành nghề mất dần tính nổi nghiệp truyền thống gia đình như nghề đúc, điêu khắc gỗ, gốm, do nhiều hộ không muốn cho con theo nghiệp tổ; tâm lý người dân không thích học nghề truyền thống vì lao động vất vả, độc hại nhưng thu nhập không cao.

Trong thời gian đến, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch COVID-19 đang còn diễn biến phức tạp, Nhà nước và chính quyền địa phương cần có các biện pháp cấp thiết nhằm bảo tồn và phát triển ngành nghề thủ công truyền thống, sản xuất các hàng hoá thủ công mỹ nghệ, góp phần giải quyết việc làm, phát triển kinh tế, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc.

4.2 Tình hình phát triển sản xuất ở các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ được điều tra

Để phân tích cụ thể hơn về tình hình phát triển ngành nghề thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, chúng tôi tiến hành khảo sát 107 cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ đang hoạt động theo các nghề thể hiện ở Bảng 3 (gồm Phước Tích không điều tra được vì có 2 cơ sở: 1 công ty trách nhiệm hữu hạn và 1 hộ cá thể, nhưng thời điểm điều tra họ đóng cửa, không hoạt động, nên không thu thập được số liệu). Đặc điểm cơ bản của 107 cơ sở được điều tra cụ thể như sau: độ tuổi trung bình của các chủ cơ sở là 45,03 tuổi, trình độ văn hoá trung bình lớp 7 (bình quân 7,25) và bình quân một cơ sở với 4,26 khẩu. Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các chủ cơ sở là khá thấp, chủ yếu học việc, làm nghề và tích lũy kinh nghiệm từ nghề mà có. Năng lực sản xuất của các cơ sở được điều tra không cao, bình quân 1 cơ sở có 1,97 lao động, giá trị tài sản bình quân 1 cơ sở là 21,73 triệu đồng. Tuy nhiên, đa số là máy móc thiết bị lạc hậu, giá trị thấp. Không có cơ sở nào đầu tư dây chuyền máy móc sản xuất tiên tiến, hiện đại để sản xuất hàng loạt hoặc áp dụng công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số hay thương mại điện tử, ...

Quy trình sản xuất một số ngành nghề vẫn rất thủ công truyền thống, đặc biệt như đúc đồng, làm hoa giấy, tranh giấy, ... Về vốn sản xuất, tất cả 107 cơ sở được điều tra cho thấy, năm 2020 vốn sản xuất chủ yếu là vốn tự có, vốn vay không nhiều. Bình quân 1 cơ sở sản xuất năm 2020 có 143,3 triệu đồng vốn, trong đó các nghề có đầu tư vốn cao như đúc đồng (bình quân 234 triệu đồng/cơ sở), điêu khắc gỗ (bình quân 251 triệu đồng/cơ sở). Nguyên nhân vốn vay không nhiều là do lãi suất cao, thị trường tiêu thụ khó khăn, hàng tồn kho lớn, khó quay vòng vốn nên hầu hết các cơ sở không dám vay ngân hàng để sản xuất.

Mặc dù, năm 2020, tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế nói chung [6], đến sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ Thừa Thiên Huế nói riêng, tuy nhiên kết quả sản xuất kinh doanh của các cơ sở được điều tra vẫn đạt khả quan. Cụ thể Bảng 3 cho thấy, nghề có giá trị sản xuất bình quân một cơ sở lớn nhất là đúc đồng (bình quân 1,2 tỷ đồng), đến điêu khắc gỗ Mỹ Xuyên (bình quân hơn 1 tỷ đồng), thấp nhất là mây tre đan Bao La (bình quân 37 triệu đồng). Sau khi trừ các khoản chi phí bằng tiền trực tiếp như chi phí nguyên liệu; chi nhiên liệu, điện nước; chi thuê lao động; lãi suất ngân hàng, ... thu nhập của các cơ sở được điều tra mặc dù không cao so với các năm trước nhưng cũng đạt khá.

Bảng 3. Kết quả và hiệu quả sản xuất ở các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ được điều tra năm 2020 (tính bình quân cho 1 cơ sở)

TT	Ngành nghề	Số cơ sở điều tra	Giá trị SX (Triệu đồng)	Chi phí (Triệu đồng)	Thu nhập (Triệu đồng)	GO/Chi phí (lần)	Thu nhập/Chi phí (lần)
1	Đúc đồng Phường Đúc, Thủy Xuân	55	1.211,5	555,1	656,4	2,18	1,18
2	Hoa giấy Thanh Tiên	12	51,06	9,69	41,37	5,27	4,27
3	Tranh làng Sình	10	69,10	10,75	58,35	6,43	5,43
4	Mây tre đan Bao La	20	37,02	14,08	22,94	2,63	1,63
5	Điều khắc gỗ Mỹ Xuyên	10	1.019,2	543,6	475,6	1,87	0,87

Nguồn: Số liệu điều tra

Nghề có thu nhập bình quân tính cho 1 cơ sở lớn nhất là nghề đúc đồng (bình quân 656,4 triệu đồng), đến điều khắc gỗ (bình quân 475,6 triệu đồng), thấp nhất là mây tre đan (bình quân 22,9 triệu đồng). Nếu xem xét theo chỉ tiêu hiệu quả kinh tế, nghề có tỷ suất thu nhập/ chi phí lớn nhất là tranh giấy làng Sình và hoa giấy Thanh Tiên, thấp nhất là điều khắc gỗ Mỹ Xuyên. Bình quân 1 cơ sở, nếu bỏ ra 01 đồng chi phí, thì nghề làm tranh giấy làng Sình thu được 5,43 đồng thu nhập, làm hoa giấy thu được 4,27 đồng thu nhập, trong khi điều khắc gỗ chỉ thu được 0,87 đồng thu nhập. Nếu trừ khấu hao tài sản cố định, tiền công lao động gia đình và nộp một số khoản phí khác... thì nhiều cơ sở sản xuất có thể không còn lợi nhuận, một số cơ sở sản xuất nhỏ, tiêu thụ khó có thể lỗ, nếu tình hình này kéo dài, nhiều cơ sở có thể sẽ ngừng sản xuất, đặc biệt những tháng cuối năm 2021, dịch bệnh COVID-19 bùng phát mạnh tại Thừa Thiên Huế. Điều đó cho thấy, ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến kết quả và hiệu quả kinh tế các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ tại các làng nghề truyền thống là rất lớn. Đòi hỏi Nhà nước và chính quyền địa phương cần có những biện pháp cấp thiết nhằm đảm bảo họ duy trì và ổn định sản xuất, góp phần phát triển kinh tế, bảo tồn và phát huy nghề truyền thống xứ Huế, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, thu hút du khách trong và ngoài nước.

Về thị trường tiêu thụ, qua khảo sát cho thấy, 107 cơ sở đều có hình thức bán lẻ trực tiếp cho người tiêu dùng địa phương, bán theo đơn đặt hàng và bán theo hình thức hợp đồng dài hạn. Hình thức hợp đồng xuất khẩu không nhiều, chỉ một số cơ sở nổi bật như cơ sở làm hoa giấy, nghệ nhân Thân Văn Huy, làng Thanh Tiên, một số hộ sản xuất mây tre đan thông qua Hợp tác xã mây tre đan Bao La, còn lại gần như không xuất khẩu được, đặt biệt năm 2020, 2021. Nhiều cơ sở hiện nay vẫn tiêu thụ sản phẩm theo hình thức bán trực tiếp cho người tiêu dùng địa phương.

Tuy nhiều cơ sở hiện nay có điểm trưng bày sản phẩm, nhưng không gian chật hẹp, trưng bày, bố trí sản phẩm khá đơn giản, hoàn toàn tự phát, thiếu thẩm mỹ, không khoa học, đặc biệt gần như thiếu kiến thức marketing trong việc bố trí, trưng bày sản phẩm. Vì thế, hoạt động quảng bá, quảng cáo thông qua trưng bày, bố trí sản phẩm gần như rất yếu kém. Bên cạnh đó, công tác tổ chức bán hàng trên các sàn giao dịch sản phẩm của Nhà nước, trên các sàn giao dịch, bán hàng trực tuyến như Lazada, Shopee, Sendo, Tiki, ... gần như không có. Các hình thức quảng bá, quảng cáo, bán hàng trực tuyến trên Facebook, Zalo, Twitter, LinkedIn, ... cũng rất ít và rất thiếu chuyên nghiệp. Đây là những hạn chế lớn của các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ ở Thừa Thiên Huế hiện nay.

Qua khảo sát, thời gian qua địa phương đã có nhiều cố gắng hỗ trợ thông tin thị trường và giới thiệu sản phẩm, tuy nhiên, đa số các cơ sở đánh giá không cao những biện pháp này. Theo các chủ cơ sở, các biện pháp hỗ trợ này không hiệu quả. Ngoài ra không có sự hỗ trợ nào khác từ địa phương như vốn tín dụng, kiến thức kỹ thuật, kiến thức quản lý, địa điểm sản xuất, cũng như bao tiêu sản phẩm...

Tóm lại, qua khảo sát 107 cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cho thấy, năm 2020, tình hình sản xuất kinh doanh của các cơ sở gặp rất nhiều khó khăn, thách thức như thị trường tiêu thụ giảm, đơn hàng và hợp đồng cắt giảm, giãn cách xã hội nên sản xuất cầm chừng, nguyên liệu đầu vào, đặc biệt nghề đúc đồng, điêu khắc gỗ, ... ngày càng khan hiếm, giá cao, ... bên cạnh đó, do vốn ít, các cơ sở chưa mạnh dạn đầu tư máy móc công nghệ tiên tiến sản xuất hàng loạt, nên sản xuất vẫn mang đậm nét thủ công truyền thống, mẫu mã đơn điệu, tốn nhiều công lao động; quảng bá, giới thiệu sản phẩm còn hạn chế, thị trường đầu ra còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng lớn đến tiêu thụ sản phẩm và kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các cơ sở hiện nay.

5 Giải pháp phát triển nghề thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Nghề thủ công truyền thống sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ Thừa Thiên Huế có bề dày lịch sử lâu đời, sản phẩm sản xuất không những nổi tiếng trong nước mà còn vươn ra cả thế giới... Tuy nhiên, trong những năm gần đây, đặc biệt năm 2020 dịch COVID-19 đã và đang diễn biến phức tạp... đã ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của các cơ sở sản xuất nơi đây. Để phát triển sản xuất các ngành nghề này trong thời gian đến, trước mắt trong bối cảnh dịch bệnh như hiện nay, Nhà nước và chính quyền địa phương cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

– Giải pháp về áp dụng công nghệ số để marketing và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm cho các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ. Trong những năm trước đây nói chung, những năm 2020 bị ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trở lại đây nói riêng, khó khăn về thị trường tiêu thụ sản phẩm là khó khăn lớn nhất mà các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ trên địa bàn phải đối mặt. Chính vì thế, giải pháp căn cơ trước mắt và lâu dài là các cơ sở cần có chiến lược marketing để phát triển thị trường tiêu thụ, đặc biệt là áp dụng công nghệ số, chuyển đổi số. Trước mắt, địa phương hỗ trợ mời chuyên gia công nghệ, chuyên gia marketing phối hợp các cơ sở sản xuất số hoá thương hiệu làng nghề, thương hiệu sản phẩm, chủng loại, mẫu mã, kích cỡ, hình ảnh, thậm chí quy trình sản xuất, đơn hàng, hợp đồng thương mại điện tử... đăng ký và tham gia quảng bá, quảng cáo, bán hàng trực tuyến trên các trang mạng xã hội như Facebook, Zalo, Twitter, Linkedin, ... trên các sàn giao dịch điện tử hàng thủ công mỹ nghệ chính thức của các địa phương, nơi có nhiều tiềm năng tiêu thụ; trên các trang mạng bán hàng online như Lazada, Shopee, Sendo, Tiki,... để các cơ sở, các đơn vị và cá nhân tiêu thụ, vận chuyển có thể đặt hàng, hợp đồng, liên doanh, liên kết trực tuyến... nhằm phát triển thị trường, tăng lượng sản xuất và tiêu thụ, trước hết ứng phó với đại dịch COVID-19, sau đó chuyển đổi số, phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

– Cần có giải pháp áp dụng công nghệ số với việc gắn kết các nhà thiết kế, sáng tạo với các nghệ nhân trong quy trình thiết kế, chế tác sản phẩm. Quy trình thiết kế ra các mẫu mã mới, sản phẩm mới hiện nay gần như không có, chủ yếu vẫn dựa vào óc sáng tạo và kinh nghiệm của các nghệ nhân. Ý tưởng về thiết kế các mẫu mã mới, sản phẩm mới hiện nay chưa xuất phát từ người sử dụng, người tiêu dùng, chưa dựa vào các ý tưởng mới, độc đáo từ các nhà thiết kế, kỹ thuật nên tính thẩm mỹ, độc đáo, tính phù hợp với người tiêu dùng chưa cao. Chủng loại sản phẩm quá đơn điệu, mẫu mã cũ, thiếu tính hấp dẫn trong tiêu dùng. Điều đó đòi hỏi quy trình thiết kế sản phẩm mới, mẫu mã mới cần có sự vào cuộc, gắn kết giữa các nhà thiết kế mới, hiện đại, thẩm mỹ cao với các nghệ nhân đương đại để thiết kế ra các mẫu mã, sản phẩm mới phù hợp với thời đại hơn, tăng tính hấp dẫn của sản phẩm nhưng vẫn không mất đi đặc tính phẩm chất của sản phẩm, đảm bảo bảo tồn mà vẫn phát huy được nét truyền thống của ngành nghề thủ công truyền thống hiện nay.

– Cần có giải pháp mạnh mẽ, thiết thực trong việc đầu tư, trang bị máy móc thiết bị hiện đại trong quy trình sản xuất sản phẩm. Một số ngành nghề có quy trình sản xuất chia làm nhiều giai đoạn như đúc đồng, điêu khắc gỗ, gốm, tranh giấy, ... nên đầu tư trang bị máy móc thiết bị hiện đại trong khâu sản xuất hàng loạt như làm khuôn, nung khuôn, đúc (đúc đồng, gốm, tranh giấy); máy gia công đục gỗ tự động được điều khiển bằng máy tính (Computer Numerical Control – CNC) ở công đoạn thô, ... là hết sức cần thiết, đảm bảo tăng năng suất, giải phóng sức lao động cho người thợ trong một số khâu độc hại, nóng bức, gò bó, (đúc đồng, gốm), bụi bặm

(xà gỗ, xà thô...), từng bước cải thiện và bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo sản xuất sản phẩm hàng loạt, đồng đều và hiệu quả hơn, góp phần khuyến khích các gia đình có nghề truyền thống nối truyền cho con cháu để bảo tồn và phát huy làng nghề, đảm bảo con cháu nối nghiệp tổ như bao đời nay.

– Có biện pháp tập trung giải quyết nguyên liệu đầu vào cho một số ngành nghề có nguyên liệu đầu vào không ổn định, ngày càng khan hiếm, vận chuyển khó khăn, chậm trễ, giá cả ngày càng tăng như đúc đồng, điêu khắc gỗ, ... Để giải quyết những vấn đề đó, ngoài những nỗ lực của các cơ sở sản xuất, Nhà nước và địa phương cần có giải pháp hỗ trợ cho các cơ sở như hỗ trợ vốn bằng nguồn khuyến công, vốn bảo tồn nghề truyền thống, ... khuyến khích các ngân hàng, tổ chức tín dụng hỗ trợ tín dụng ưu đãi; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, liên doanh, liên kết phát triển sản xuất. Bên cạnh đó, hợp tác tìm nguồn nguyên liệu đảm bảo chất lượng, ổn định, nhất là nguồn từ các địa phương khác, nguồn nhập khẩu, ... giúp các cơ sở đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, chất lượng.

– Tăng cường các biện pháp liên kết, liên doanh giữa các cơ sở sản xuất với các doanh nghiệp, cơ sở cung cấp đầu vào, các doanh nghiệp, đơn vị tiêu thụ, tạo thành chuỗi liên kết, cung ứng sản phẩm từ nghiên cứu thị trường, thiết kế sản phẩm đến khâu cung cấp nguyên liệu, sản xuất, phân phối và tiêu thụ. Tạo mọi điều kiện khuyến khích doanh nghiệp đầu tư thu hút các nghệ nhân, các nhà mỹ thuật, sáng tác thiết kế sản phẩm, đào tạo, bồi dưỡng các thợ thủ công có kỹ năng và tay nghề cao tham gia vào chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Chỉ có doanh nghiệp mới đủ điều kiện sử dụng tốt nghệ nhân, đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến, xây dựng và phát triển thương hiệu, tăng cường quảng bá, quảng cáo, tham gia hội chợ triển lãm, liên kết và xúc tiến tiêu thụ trên thị trường trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cần nỗ lực nhiều hơn nữa, triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề thủ công truyền thống, thủ công mỹ nghệ như chính sách vốn, tín dụng, đất đai, cơ sở hạ tầng, thuế, khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường...

6 Kết luận

Thủ công mỹ nghệ xứ Huế là nghề thủ công truyền thống có từ lâu đời tại nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế với nhiều kiệt tác di sản nổi tiếng trong nước và quốc tế. Do tác động của đại dịch COVID-19 từ cuối năm 2019 đến nay, tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm các nghề này gặp nhiều khó khăn, số cơ sở sản xuất cũng như giá trị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm sụt giảm mạnh. Những khó khăn mà các cơ sở gặp phải là nguồn nguyên liệu ngày càng khan hiếm, giá cao; công nghệ lạc hậu; tình hình quảng bá, quảng cáo và chuyển đổi số kém, số lượng đơn hàng và hợp đồng ngày một giảm, dẫn đến khả năng cạnh thấp, thị trường thu hẹp.

Qua khảo sát 107 cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ đang hoạt động tại một số làng nghề truyền thống chủ yếu trên địa bàn tỉnh cho thấy, tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm năm 2020 đã giảm mạnh. Giá trị sản xuất một số nghề chủ yếu như đúc đồng, hoa giấy, tranh giấy, mây tre đan, điêu khắc gỗ và gốm năm 2020 chỉ bằng 78,9% giá trị sản xuất năm 2018. Nếu trừ khấu hao tài sản cố định, tiền công lao động gia đình và nộp các khoản phí khác... thì các cơ sở sản xuất các nghề trên có thể không còn lợi nhuận, nếu kéo dài, nhiều cơ sở sẽ ngừng sản xuất.

Để giải quyết những vấn đề trên, phát triển sản xuất, Nhà nước, địa phương và bản thân các cơ sở sản xuất cần có những giải pháp thiết thực, hiệu quả như áp dụng công nghệ số để marketing và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ vốn, khuyến khích các ngân hàng, tổ chức tín dụng hỗ trợ tín dụng ưu đãi; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, liên doanh, liên kết tạo thành chuỗi liên kết, cung ứng sản phẩm từ nghiên cứu thị trường, thiết kế sản phẩm đến khâu cung cấp nguyên liệu, sản xuất, phân phối và tiêu thụ... Thực hiện được các giải pháp trên sẽ góp phần phát triển sản xuất, bảo tồn và phát huy nghề thủ công truyền thống, thủ công mỹ nghệ xứ Huế, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2020), Công văn số 9363/BNN-KTHT ngày 31/12/2020 về việc "*Kết quả Hội nghị sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định 52/2018/NĐ-CP về phát triển ngành nghề nông thôn*".
2. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Tiếp tục phát triển xuất khẩu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ*. <https://dangcongsan.vn/chao-xuan-tan-suu-2021/dat-nuoc-va-xuan/tiep-tuc-phat-trien-xuat-khau-cac-san-pham-thu-cong-my-nghe-574357.html>.
3. Huỳnh Thị Cận (1981), Tìm hiểu nghề đúc đồng ở "Phường Đúc" Huế, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 200, 5/1981.
4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thừa Thiên Huế (2021), *Báo cáo tình hình phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn năm 2020*.
5. Phạm Hồng Chương và cộng sự (2020), Tác động của đại dịch COVID-19 đến nền kinh tế Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 274, tháng 4, 2020. <https://ktpt.neu.edu.vn/Uploads/Bai%20bao/2020/So%20274/379210.pdf>.
6. Trần Thọ Đạt (2020), Tác động của đại dịch COVID-19 đến nền kinh tế Việt Nam và giải pháp ứng phó, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 274, tháng 4, 2020. <https://ktpt.neu.edu.vn/Uploads/Bai%20bao/2020/So%20274/379211.pdf>.

7. Yongzhong Yang, Mohsin Shafi , Xiaoting Song and Ruo Yang (2018), Preservation of Cultural Heritage Embodied in Traditional Crafts in the Developing Countries, A Case Study of Pakistani Handicraft Industry, Accelerating Open Access, *Sustainability*, 10(5), 1336, <https://doi.org/10.3390/su10051336>. MDPI, Basel, Switzerland.
8. UNESCO/International Trade Centre (ITC) (1997), Symposium: *Crafts and the International Market: Trade and Customs Codification*, Manila, 6–8 October 1997. Available online: <http://www.unesco.org/new/en/culture/themes/creativity/creative-industries/crafts-and-design> hoặc <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000111488>.
9. Fabeil, N.F.; Pazim, K.H.; Marzuki, K.M.; Laggat, J. (2014), *The orientation of handicraft entrepreneurs in Sabah: Their personality characteristics and motivations*, In Proceedings of the 2nd ASEAN Entrepreneurship Conference, Penang, Malaysia, 17 May 2014.
10. Fajardo, F. (1999), *Agricultural Economics*, Fourth Edition: REX Book store, Manila, Philippines.
11. Bùi Anh Tuấn (2020), Đẩy mạnh xuất khẩu của tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2020-2030, *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*, số 134 (01/2021). <https://210.86.226.171/14ojs/index.php/tcqlktqt/article/view/837/789>.